

Bản án số: 179/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-6-2023

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến

2. Ông Hồ Xuân Dũng

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Mai Đoan Thực - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 831/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Lê Trần P, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số đường Đ, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định

*** Bị đơn:** Chị Bùi Thị Ngọc L, sinh năm 1989 (vắng mặt)

HKTT: Số đường Đ, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định

Địa chỉ liên lạc: Tổ, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

(Anh P, chị L cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai nguyên đơn anh Lê Trần P trình bày:** Anh và chị Bùi Thị Ngọc L có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm, được hai gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ anh ở địa chỉ đường Đ, phường Đ, thị xã

A. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Khi vợ chồng cãi nhau thì chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột ở KV. B, phường Đ ở được vài ngày thì quay về; đến cuối năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, L dẫn theo con gái Lê Khánh H1 bỏ đi khỏi địa phương, đi đâu không rõ. Anh tìm mọi cách để liên lạc với L nhưng không được, anh có hỏi cha mẹ vợ thì họ cũng không biết L ở đâu. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn với chị Bùi Thị Ngọc L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Lê Khánh H1 sinh ngày 05/01/2015 và Lê Khánh H2 sinh ngày 07/11/2017, hiện cháu H1 đang ở với chị L, còn cháu H2 đang ở với anh. Ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H2, giao cháu H1 cho chị L nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai bị đơn chị Bùi Thị Ngọc L trình bày: Chị và anh Lê Trần P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014 và có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ.

Sau khi cưới thì vợ chồng về chung sống với chị chồng tại số nhà đường Đ, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định. Anh P không có công việc ổn định còn chị buôn bán quần áo tại phường B nhưng làm ăn bị thua lỗ, một phần thì anh P không lo làm ăn mà chơi bời cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, lúc sinh con thì chị phải về nhà cha mẹ ruột ở để cha mẹ lo. Vợ chồng sống nhưng anh P không quan tâm đến vợ con, mọi việc trong gia đình đến nuôi con, chị đều phải nhờ cha mẹ chị giúp đỡ. Chị quá chán nản nên dẫn con bỏ vào Tp.HCM thuê nhà sống và làm việc thì trong thời gian này anh P có vào tìm chị và thăm con, một thời gian sau thì chị chuyển lên sống tại tỉnh Bình Phước. Sau này anh P chơi bời cờ bạc nên không còn quan tâm đến mẹ con chị nữa, có gọi điện hỏi thăm con chứ không nói gì đến chị, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị thống nhất ly hôn với anh Lê Trần P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Lê Khánh H1 sinh ngày 05/01/2015 và cháu Lê Khánh H2 sinh ngày 07/11/2017, hiện cháu H1 đang sống với chị còn cháu H2 đang sống với anh P

Ly hôn, chị yêu cầu nuôi người con Lê Khánh H1 còn người con Lê Khánh H2 giao cho anh P nuôi dưỡng, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30.12.2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Trần P và chị Bùi Thị Ngọc L

2. Về con chung: Giao Lê Khánh H2 sinh ngày 07/11/2017 cho anh Lê Trần P tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Lê Khánh H1 sinh ngày 05/01/2015 cho chị Bùi Thị Ngọc L tiếp tục nuôi dưỡng, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ai.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết

4. Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Trần P và chị Bùi Thị Ngọc L cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P và chị L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Lê Trần P và chị Bùi Thị Ngọc L tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2014, được UBND phường Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa anh P và chị L phát sinh nhiều mâu thuẫn nên sống ly thân với nhau trong khoảng thời gian dài. Quá trình giải quyết vụ án, anh P và chị L cùng xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên thống nhất thuận tình ly hôn, tuy nhiên anh P và chị L có đơn không yêu cầu hòa giải nên Tòa án không tiến hành phiên họp hòa giải để ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh P và chị L. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của anh P và chị L thấy rằng việc thuận tình ly hôn của hai anh chị là tự nguyện, phù hợp với thực tế mâu thuẫn sống ly thân nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Lê Trần P và chị Bùi Thị Ngọc L.

[2.2] Về con chung: Anh P và chị L xác định vợ chồng có 02 người con tên Lê Khánh H1 sinh ngày 05/01/2015 và cháu Lê Khánh H2 sinh ngày 07/11/2017, anh P chị L cùng thống nhất thỏa thuận giao người con Lê Khánh H2 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng và giao người con Lê Khánh H1 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Xét việc thỏa thuận giữa anh P và chị L về việc nuôi dưỡng con sau ly hôn là phù hợp với thực tế cháu H2 đang ở với anh P và cháu H1 đang học tập, sinh sống với chị L tại huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước và nguyện vọng của cháu H1 muốn được tiếp tục sống với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh P, chị L giao người con Lê Khánh H2 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành và giao người con Lê Khánh H1 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Anh P chị L không yêu cầu giải quyết.

[2.5] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và áp dụng mục 11 phần IV giải đáp số 02/TANDTC ngày 02.8.2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao v/v giải đáp một số vướng mắc trong xét xử thì anh P chị L mỗi người phải chịu 75.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Trần P và chị Bùi Thị Ngọc L.

2/ Trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn:

2.1 Giao người con tên Lê Khánh H1 sinh ngày 05/01/2015 cho chị Bùi Thị Ngọc L tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi người con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao người con tên Lê Khánh H2 sinh ngày 07/11/2017 cho anh Lê Trần P tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi người con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2/ Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Trần P và chị Bùi Thị Ngọc L không yêu cầu giải quyết.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Trần P và chị Bùi Thị Ngọc L không yêu cầu giải quyết.

4/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Lê Trần P phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, số tiền còn lại 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) hoàn trả cho anh Lê Trần P theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005646 ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Chị Bùi Thị Ngọc L phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- UBND phường Đ
- (GCNKH số ngày)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Lệ